

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HOÀN MỸ**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HOÀN MỸ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOAN MY TRADING AND DEVELOPMENT SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HOAN MY CSA., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108968332

**3. Ngày thành lập:** 31/10/2019

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm chùa, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>Mã ngành</b> |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4772            |
| 2.         | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8620            |
| 3.         | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động của các phòng thí nghiệm y học như: + Phòng thí nghiệm X-quang và các trung tâm chuẩn đoán qua hình ảnh khác + Phòng thí nghiệm phân tích máu + Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân bằng bất cứ phương tiện nào không bao gồm cả máy bay                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8699            |
| 4.         | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8230            |
| 5.         | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3250            |
| 6.         | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4651            |
| 7.         | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8110            |
| 8.         | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8121            |
| 9.         | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br>Chi tiết: - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh đường xá; - Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng - Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu. - Dịch vụ vệ sinh, diệt côn trùng, chống mối mọt | 8129(Chính)     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8130 |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4669 |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu                                                         | 4659 |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Buôn bán vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                    | 4649 |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ bình đun nước nóng; - Bán lẻ thiết bị vệ sinh; - Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép; - Bán lẻ khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su; - Bán lẻ kính phẳng; - Bán lẻ gạch lát sàn, gạch ốp tường.                                                                                                                                                                | 4752 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn xi măng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khóa; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su. | 4663 |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652 |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: – Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410 |
| 19. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7110 |
| 20. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9620 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THỊ THANH | Thọ Đa, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông         | 50         | 50.000.000            | 5,000     | 013050830                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số                   | 50         | 50.000.000            | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                 |                           |     |             |        |              |  |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | HOÀNG THỊ NGÂN   | Xóm Trại, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 450 | 450.000.000 | 45,000 | 013477968    |  |
|   |                  |                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                 | Tổng số                   | 450 | 450.000.000 | 45,000 |              |  |
| 3 | NGUYỄN VĂN PHONG | Xóm chùa, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 500 | 500.000.000 | 50,000 | 001088003508 |  |
|   |                  |                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                 | Tổng số                   | 500 | 500.000.000 | 50,000 |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/09/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001088003508

Ngày cấp: 08/10/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm chùa, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm chùa, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội